**MỤC LỤC**

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Trách nhiệm** | **Soạn thảo** | **Xem xét** | **Phê duyệt** |
| **Họ tên** | **Nguyễn Thị Hồng Vân** | **Hoàng Sĩ Thạo** | **Phạm Thành Lập** |
| **Chữ ký** |  |  |  |
| **Chức vụ** | **Chuyên viên**  **Hạt Kiểm lâm liên huyện Duyên Hải**  **- thị xã Duyên Hải** | **Phó Hạt trưởng**  **Hạt Kiểm lâm liên**  **huyện Duyên Hải**  **- thị xã Duyên Hải** | **Chủ tịch**  **UBND huyện** |

**SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung** | **Trang/Phần liên quan việc sửa đổi** | **Mô tả nội dung sửa đổi** | **Lần ban hành/Lần sửa đổi** | **Ngày**  **ban hành** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**1. MỤC ĐÍCH**

Quy định về trách nhiệm, trình tự tiếp nhận chuyển hồ sơ, theo dõi các kết quả giải quyết các thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ, Hạt Kiểm lâm liên huyện Duyên Hải - thị xã Duyên Hải, đảm bảo nhanh chóng, chính xác và đúng quy định của pháp luật.

**2. PHẠM VI**

Áp dụng đối với các tổ chức/công dân có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính cấp giấy phép khai thác rừng theo đúng quy định của pháp luật cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng

Cán bộ, công chức thuộc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Hạt Kiểm lâm liên huyện Duyên Hải - thị xã Duyên Hải và các phòng có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.

**3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN**

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

- Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

**4. ĐỊNH NGHĨA/TỪ VIẾT TẮT**

UBND: Ủy ban nhân dân

TTHC: Thủ tục hành chính

TCCD: Tổ chức/công dân

TN&TKQ: Tiếp nhận và trả kết quả

**5. NỘI DUNG QUY TRÌNH**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **5.1** | **Cơ sở pháp lý** | | | | |
|  | Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về khai thác chính và tận thu, tận thu lâm sản | | | | |
| **5.2** | **Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính** | | | | |
|  | Không | | | | |
| **5.3** | **Thành phần hồ sơ** | | | **Bản chính** | **Bản sao** |
|  | - Giấy đề nghị cấp phép khai thác | | | x |  |
| - Bản kê cây gỗ khai thác. | | | x |  |
| **5.4** | **Số lượng hồ sơ** | | | | |
|  | 01 bộ | | | | |
| **5.5** | **Thời gian xử lý** | | | | |
|  | Trong 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | | | | |
| **5.6** | **Nơi tiếp nhận và trả kết quả** | | | | |
|  | + Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Huyện ủy và HĐND -UBND huyện.  + Qua dịch vụ bưu chính công ích.  + Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tạiBộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Huyện ủy và HĐND -UBND huyện hoặc qua đường bưu điện. | | | | |
| **5.7** | **Lệ phí** | | | | |
|  | Không | | | | |
| **5.8** | **Quy trình xử lý công việc** | | | | |
| **TT** | **Trình tự** | **Trách nhiệm** | **Thời gian** | **Biểu mẫu/**  **Kết quả** | |
| B1 | Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn xây dựng và nộp bảng kê lâm sản khai thác tại Ủy ban nhân dân cấp xã. | Hộ gia đình,  cá nhân, cộng đồng dân cư | Trước ngày 30/11 hàng năm | Theo mục 5.3 | |
| B2 | Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp khối lượng khai thác toàn xã, trình Ủy ban nhân dan cấp huyện phê duyệt, cấp phép khai thác | Bộ phận TN&TKQ  Hạt Kiểm lâm | Trước ngày 31/12 hàng năm | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu 05)  - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu 06) | |
| B3 | Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp phép hoặc có văn bản nêu lý do không cấp phép gửi Ủy ban nhân dân cấp xã | Hạt Kiểm lâm  UBND huyện  phê duyệt kết quả  Bộ phận TN&TKQ | 08 ngày | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu 05)  - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu 06) | |
| B4 | Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo và giao giấy phép cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn để thực hiện |  | 03 ngày | Giấy phép khai thác hoặc văn bản nêu lý do không cấp phép khai thác | |

**6. BIỂU MẪU**

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **Tên Biểu mẫu** |
| **1** | Các biểu mẫu số 01, 02, 03, 04, 05, 06 theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ |
| **2** | Mẫu đơn Quy định tại Phụ lục 1 Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |

**7. HỒ SƠ CẦN LƯU**

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **Hồ sơ lưu** |
| **1** | Thành phần hồ sơ cần nộp theo mục 5.3 |
| **2** | Kết quả giải quyết thủ tục hành chính  Các hồ sơ khác phát sinh trong quá trình thực hiện |
| **3** | Các biểu mẫu số 01, 02, 03, 04, 05, 06 theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ |
| Hồ sơ được lưu tại Hạt Kiểm lâm và các đơn vị có liên quan theo quy trình lưu trữ hồ sơ hiện hành. | |

**Phụ lục 1: Mẫu đề cương thiết kế khai thác**

*(Kèm theo Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016 của Bộ NN và PTNT)*

**Đơn vị chủ quản:……… CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Tên đơn vị……………….. Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

**HỒ SƠ**

**THIẾT KẾ KHAI THÁC, TẬN DỤNG, TẬN THU LÂM SẢN**

**I. Đặt vấn đề:**

- Tên chủ rừng (đơn vị khai thác)…………………………………………

- Mục đích khai thác………………………………………………………

**II. Tình hình cơ bản khu khai thác**

1. Vị trí, ranh giới khu khai thác:

a) Vị trí: Thuộc lô………………., khoảnh ,…………… Tiểu khu …...;

b) Ranh giới:

- Phía Bắc giáp…………………………..

- Phía Nam giáp…………………………..

- Phía Tây giáp…………………………..

- Phía Đông giáp…………………………..

2. Diện tích khai thác:…………..ha;

3. Loại rừng đưa vào khai thác.

**III Các chỉ tiêu kỹ thuật lâm sinh:**

1. Tổng trữ lượng, trữ lượng bình quân…………………..………………..

2. Sản lượng cây đứng…

3. Tỉ lệ lợi dụng:

4. Sản lượng khai thác.

(kèm theo biểu tài nguyên và các chỉ tiêu lâm học)

**IV. Sản phẩm khai thác:**

- Tổng sản lượng khai thác…………… (phân ra từng lô, khoảnh), cụ thể:

+ Gỗ: số cây…….…., khối lượng ………..….m3

+ Lâm sản ngoài gỗ……………….(( m3/ cây/tấn..)

- Chủng loại sản phẩm (Đối với gỗ phân theo từng loài, từng nhóm gỗ; đối với lâm sản ngoài gỗ phân theo từng loài)

(kèm theo biểu sản phẩm khai thác)

**V. Biện pháp khai thác, thời gian hoàn thành.**

a) Chặt hạ:

b) Vận xuất:

c) vận chuyển

d) vệ sinh rừng sau khai thác

e) Thời gian hoàn thành.

**VI. Kết luận, kiến nghị.**

**Chủ rừng /đơn vị khai thác**

*(ký tên ghi rõ họ tên,*

*đóng dấu nếu có)*